

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI  
Saigon – Hanoi Beer Corporation**

Số: 11/BSGHN  
(Giải trình BCTC quý 4 năm 2022/  
Explanation of financial statements Q4/2022)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Thành phố Hà Nội, ngày 12 tháng 1 năm 2023  
Hanoi, January 12, 2023

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội

**To:** - State Securities Commission  
- Hanoi Stock Exchange

Tên tổ chức/ Name of Organization : Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Hà Nội/ Saigon – Hanoi Beer Corporation

Mã chứng khoán/ Stock code: BSH

Địa chỉ/ Address: A2 CN8 cụm CN Từ Liêm – Phường Phương Canh – Quận Nam Từ Liêm – Hà Nội/ A2CN8 - Tu Liem industrial cluster – Phuong Canh ward – Nam Tu Liem district – Hanoi

Căn cứ thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ tài chính về việc công bố thông tin, Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Hà Nội giải trình báo cáo tài chính quý 4 năm 2022 cụ thể như sau:

Pursuant to Circular 96/2020/TT-BTC of the Ministry of Finance on information disclosure. Saigon - Hanoi Beer Corporation explains financial statements for the 4rd quarter of 2022 as follows:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh/ Business performance report:

<b>KHOẢN MỤC/ ITEM</b>	<b>Quý 4/ Quarter 4</b>		<b>Tăng/Increase Giảm/Decrease</b>	<b>Tỷ lệ/ Percent</b>
	<b>2022</b>	<b>2021</b>		
<b>A</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3=(1-2)</b>	<b>4=(3/2)</b>
1. Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ/ Sales and Service Revenue	155.405.001.839	159.100.767.521	(3.695.765.682)	-2%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Deductions from revenue				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue from sales of goods and service provision	155.405.001.839	159.100.767.521	(3.695.765.682)	-2%
4. Giá vốn hàng bán/ Cost of goods sold	145.127.248.035	131.090.390.333	14.036.857.702	11%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Gross profit on sales and service provision	10.277.753.804	28.010.377.188	(17.732.623.384)	-63%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial income	4.495.470.264	3.318.089.761	1.177.380.503	35%
7. Chi phí tài chính/ Financial	1.294.963.124	199.847.879	1.095.115.245	548%



<i>expenses</i>				
8. Chi phí bán hàng/ <i>Selling expenses</i>	575.703.049	803.335.497	(227.632.448)	-28%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ <i>Enterprise Cost Management</i>	3.705.366.837	5.613.219.756	(1.907.852.919)	-34%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ <i>Net profit from operating activities</i>	9.197.191.058	24.712.063.817	(15.514.872.759)	-63%
11. Thu nhập khác/ <i>Other income</i>	4.999.342.946	433.531.702	4.565.811.244	1053%
12. Chi phí khác/ <i>Other costs</i>	586.198.600		586.198.600	
13. Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	4.413.144.346	433.531.702	3.979.612.644	918%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ <i>Total accounting profit before tax</i>	13.610.335.404	25.145.595.519	(11.535.260.115)	-46%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ <i>Current CIT expenses</i>	2.967.415.174	5.479.234.118	(2.511.818.944)	-46%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại/ <i>Deferred corporate income tax expense</i>	(57.249.132)	29.853.040	(87.102.172)	-292%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ <i>Profit after corporate income tax</i>	10.700.169.362	19.636.508.361	(8.936.338.999)	-46%

Giải trình/ Explanation:

Kết quả kinh doanh quý 4 giảm so với cùng kỳ do chi phí nguyên vật liệu tăng/ Business results in the 4rd quarter decreased compared to the same period last year due to an increase in the cost of raw materials.

<b>KHOẢN MỤC/ ITEM</b>	<b>12 tháng / For the 12 month period ended 31 December</b>		<b>Tăng/Increase Giảm/Decrease</b>	<b>Tỷ lệ/ Percent</b>
	<b>2022</b>	<b>2021</b>		
<b>A</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3=(1-2)</b>	<b>4=(3/2)</b>
1. Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ/ <i>Sales and Service Revenue</i>	628.594.634.114	564.299.991.169	64.294.642.945	11%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ <i>Deductions from revenue</i>				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ <i>Net revenue from sales of goods and service provision</i>	628.594.634.114	564.299.991.169	64.294.642.945	11%
4. Giá vốn hàng bán/ <i>Cost of goods sold</i>	551.631.824.151	482.775.945.572	68.855.878.579	14%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ <i>Gross profit on sales and service provision</i>	76.962.809.963	81.524.045.597	(4.561.235.634)	-6%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ <i>Financial income</i>	11.365.886.090	7.117.943.139	4.247.942.951	60%



7. Chi phí tài chính/ <i>Financial expenses</i>	1.636.865.667	1.017.529.654	619.336.013	61%
8. Chi phí bán hàng/ <i>Selling expenses</i>	3.488.026.230	3.265.564.923	222.461.307	7%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ <i>Enterprise Cost Management</i>	16.305.531.269	17.756.351.979	(1.450.820.710)	-8%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ <i>Net profit from operating activities</i>	66.898.272.887	66.602.542.180	295.730.707	0,4%
11. Thu nhập khác/ <i>Other income</i>	5.546.628.617	3.870.964.707	1.675.663.910	43%
12. Chi phí khác/ <i>Other costs</i>	611.701.593	1.593.451.474	(981.749.881)	-62%
13. Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	4.934.927.024	2.277.513.233	2.657.413.791	117%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ <i>Total accounting profit before tax</i>	71.833.199.911	68.880.055.413	2.953.144.498	4%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ <i>Current CIT expenses</i>	14.118.171.038	14.310.454.142	(192.283.104)	-1%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại/ <i>Deferred corporate income tax expense</i>	129.573.394	176.055.382	(46.481.988)	-26%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ <i>Profit after corporate income tax</i>	57.585.455.479	54.393.545.889	3.191.909.590	6%

**Giải trình/ *Explanation:***

Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế năm 2022 cao hơn năm 2021 do việc mở cửa trở lại của thị trường sau thời gian đóng cửa nên doanh thu bán hàng cao hơn so với năm 2021. Bên cạnh đó, doanh thu tài chính tăng./ *Net revenue and profit after tax was higher than in 2021 due to the reopening of the market after the closure, so revenue from sales of goods increased higher than 2021. Besides, financial income increased.*

Trên đây là giải trình của Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Hà Nội báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội về sự thay đổi các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính quý 4 năm 2022 của Công ty./ *The above is the explanation of Saigon - Hanoi Beer Corporation reporting to the State Securities Commission and the Hanoi Stock Exchange on the change in the indicators on the financial statements for the 4rd quarter of the year 2022 of the Company.*

Trân trọng ./Regard./.



Lê Viết Quý

